| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠNH PHÚ**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2023
*V/v*: *"Xin ly hôn"*.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh Minh Trí
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Trịnh Xuân Tùng
2. Ông Phạm Văn Vũ

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trương nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên.

Ngày **08** tháng **6** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc: "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp Th, xã B, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp Th, xã B, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

(Chị H, anh V có đơn xin giải quyết vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn ly hôn, bản khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án chị Nguyễn Thị H trình bày*:

Chị và anh Lê Văn V cưới nhau vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đi đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung có 02 con chung là: Lê Hoàng V, sinh ngày 20/3/1994 và Lê Tấn Đ, sinh ngày 24/5/1999. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Có một tài sản chung là thửa đất số 297 tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp Th, xã B, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02963 nhưng không có yêu cầu giải quyết. Thời gian sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, do bất đồng về quan điểm, nay tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về hôn nhân: Yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Lê Văn V. Không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Hai con chung tên Lê Hoàng V, sinh ngày 20/3/1994 và Lê Tấn Đ, sinh ngày 24/5/1999 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

*Theo bản khai, biên bản hòa giải cùng đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt anh Lê Văn V trình bày*:

Anh thống nhất về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, con chung và tài sản chung như chị H trình bày. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, do bất đồng về quan điểm, nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay, chị H yêu cầu không công nhận vợ chồng với anh thì anh đồng ý.

1. Về hôn nhân: Đồng ý không công nhận vợ chồng với chị H, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Hai con chung tên Lê Hoàng V, sinh ngày 20/3/1994 và Lê Tấn Đ, sinh ngày 24/5/1999 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định*:

**[1] Về tố tụng**:

1.1 Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn V. Do đó, xét đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Xin ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Anh Lê Văn V có nơi cư trú tại ấp Th, xã B, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh V đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

**[2] Về nội dung:**

Chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu không công nhận giữa chị với anh Lê Văn V là vợ chồng. Hai con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Anh V đồng ý với tất cả các yêu cầu chị H nêu.

***Hội đồng xét xử thấy rằng:***

2.1. Về hôn nhân: Chị H và anh V cưới nhau vào năm 1993 và sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân của anh, chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống anh, chị có 02 người con chung nhưng từ những mâu thuẫn trong cuộc sống mà anh chị đã không tìm cách khắc phục và không có thiện chí bàn bạc, hàn gắn để đoàn tụ. Quá trình giải quyết chị H và anh V đều thống nhất không công nhận anh, chị là vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, không công nhận chị Nguyễn Thị H là anh Lê Văn V là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung tên Lê Hoàng V, sinh ngày 20/3/1994 và Lê Tấn Đ, sinh ngày 24/5/1999 đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Chị H và anh V trình bày tự thõa thuận nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Chị H và anh V trình bày không có nên không xem xét.

2.5 Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị H có nghĩa vụ nộp.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm c Mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/UBTVQH ngày 09/6/2000; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H là anh Lê Văn V là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung tên Lê Hoàng V, sinh ngày 20/3/1994 và Lê Tấn Đ, sinh ngày 24/5/1999 đã trưởng thành, không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh V trình bày không có nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị H và anh V trình bày không có nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, chị Nguyễn Thị H phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0002014 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre là đủ.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**
- VKSND huyện Thạnh Phú.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- UBND xã Bình Thạnh;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Huỳnh Minh Trí**